

ĐẤT NƯỚC- NGUYỄN KHOA ĐIỀM

Giáo viên: Hoàng Nhung- 5star.edu.vn



Video Bài Giảng và Lời Giải chi tiết chỉ có tại website: online.5star.edu.vn

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Về tác giả

15/4/1943 Nguyễn Hải Dương

a. Đường đời

*Quê hương, gia đình:

- Quê hương: Thừa Thiên Huế
- + Mảnh đất nghèo khó nhưng thiên nhiên trù phú xanh tươi, con người hiền hòa trù mển
- + Là mảnh đất cổ đô, giàu truyền thống văn hóa dân gian và văn hóa cung đình
 - ✓ Văn hóa dân gian: Những làn điệu hò mái nhì, hò mái đẩy, ca Huế...
 - ✓ Văn hóa cung đình: Âm thực, Nhã nhạc cung đình, Kiến trúc lăng tẩm...
- ⇒ Góp phần làm nên hồn thơ Nguyễn Khoa Điềm: hồn hậu, thiết tha, đậm thắm
- Gia đình: Một gia đình tri thức có truyền thống yêu nước và cách mạng
- + Cha đẻ là: nhà báo Hải Triều, thuộc dòng dõi quan Nội tán Nguyễn Khoa Đăng
- ⇒ Học thức từ cha.

*Các giai đoạn cuộc đời:

- Lúc nhỏ, ông học ở quê.
- Năm 1955 ra Bắc học tại trường học sinh miền Nam. Sau đó, học và tốt nghiệp tại khoa Ngữ văn trường ĐHSP Hà Nội (cùng khóa với Phạm Tiến Duật, Lê Anh Xuân..). Sau khi tốt nghiệp đại học, ông vào nam hoạt động trong phong trào học sinh, sinh viên ở Huế. Ông tham gia quân đội, viết báo, làm thơ.

- Ông từng bị bắt giam tại nhà lao Thừa Phủ, đến chiến dịch Mậu Thân thì được giải thoát, tiếp tục hoạt động cách mạng.
- Sau năm 1975 trở thành hội viên Hội Nhà văn VN và sau đó giữ nhiều trọng trách quan trọng:
 - + Chủ tịch Hội văn nghệ Bình-Trị- Thiên, Phó Bí thư thường trực tỉnh Thừa Thiên Huế
 - + Có mặt trong BCH Hội Nhà văn VN khóa III, là Tổng thư ký Hội Nhà văn VN khóa V.
 - + Bộ trưởng Bộ Văn hóa thông tin.
 - + Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản VN, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tư tưởng- Văn hóa Trung ương.
- Sau Đại hội X của Đảng, ông về nghỉ hưu ở Huế, tiếp tục làm thơ.

b. Đường văn:

***Thành tựu:**

- Nguyễn Khoa Điềm là nhà thơ nổi danh thời kháng chiến chống Mỹ, cùng thế hệ với Phạm Tiến Duật; Vũ Quần Phương; Bằng Việt; Xuân Quỳnh.
- Tác giả của *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* (THCS đã học)
- Tác phẩm chính: Đất ngoại ô (thơ, 1972); Mặt đường khát vọng (trường ca, 1974); Ngôi nhà có ngọn lửa ấm (thơ, 1986); Thơ Nguyễn Khoa Điềm (tuyển chọn, 1990); Cõi lặng (thơ, 2007)

***Phong cách**

- Giàu chất suy tư, cảm xúc lắng đọng, thể hiện tâm tư của người trí thức trong cuộc chiến đấu của nhân dân.
- Giọng thơ trữ tình- chính luận ưa phân tích, lý giải, triết lý những vấn đề của dân tộc, đất nước, thời đại bằng hình tượng thơ, bằng thể thơ tự do, thơ văn xuôi.

2. Về tác phẩm

a. Xuất xứ

- Được trích từ phần đầu chương V của Trường ca “Mặt đường khát vọng”
- Chương V: Điểm tựa tư tưởng của toàn bộ tác phẩm

b. Hoàn cảnh sáng tác:

- Trường ca được tác giả hoàn thành ở chiến khu Trị- Thiên năm 1971, in lần đầu năm 1974.

- Trường ca Mặt đường khát vọng gồm 17 chương hướng tới đối tượng đầu tiên là HS, SV, trí thức đang sống, học tập và làm việc trong vùng kiểm soát của chính quyền Mĩ Ngụy, kêu gọi họ xuống đường công khai đấu tranh đòi hòa bình, thống nhất đất nước.

c. Đề tài, chủ đề:

- Quen thuộc: đất nước là chủ đề bao trùm trong các tác phẩm văn học thuộc giai đoạn kháng chiến chống Mỹ.

+ Trong cảm nhận của các nhà thơ trẻ thời kháng chiến chống Mĩ, nhân dân là người tạo dựng đất nước

+ Tư tưởng không mới: Đất nước của nhân dân

- Cái mới: cách cảm nhận, cách phát hiện

+ Nhà văn cảm nhận, phát hiện đất nước trong mối quan hệ tổng hợp và toàn vẹn: địa lý- lịch sử- văn hóa

+ Sử dụng các yếu tố văn học-văn hóa dân gian thích hợp với tư tưởng ấy

d. Bố cục: 2 phần:

- 42 câu đầu: Những khám phá mới mẻ về đất nước (Đất nước muôn đời)
- Còn lại: Tư tưởng đất nước của nhân dân

e. Khuynh hướng: Trữ tình- chính luận

- Có chất chính luận- tính luận đề: Luận bàn về một vấn đề chính trị- vấn đề đất nước, vấn đề vừa rất lớn lao, vừa gần gũi, thân thuộc.

+ TP giống như một hành trình khám phá của NKĐ về cội nguồn của đất nước: Hình thành như thế nào? Phạm vi tồn tại ra sao? Quá trình lớn lên như thế nào? Của ai? Hiện lên trong đời sống ra sao? Những vấn đề trên được NKĐ dùng lí lẽ, lập luận để chứng minh.

+ Tư tưởng đất nước của nhân dân: đậm chất chính luận.

- Bên cạnh chất chính luận còn có chất trữ tình: dòng chảy cảm xúc sôi sục, mãnh liệt

⇒ Kế hợp giữa xúc cảm- trữ tình- chính luận (lí lẽ, lập luận, dẫn chứng): tạo sức thuyết phục.

f. Thể thơ: Tự do

- Lúc cô đúc, dồn nén, lúc tuôn trào mãnh liệt, cảm hứng sôi nổi, say đắm

- Vừa dân tộc vừa hiện đại:

+ hiện đại: thể tự do, liên kết lỏng lẻo.

+ dân tộc: vận dụng thi liệu sáng tác

II. ĐỌC-HIỂU TÁC PHẨM

1. Phần 1 (42 câu thơ đầu) **Hình tượng Đất Nước muôn đời với những khám phá mới mẻ, sâu sắc**

a. Đề tài đất nước được làm mới:

- Các nhà thơ khác: đất nước hiện lên hết sức kì vĩ, lớn lao, phi thường và trù phú:

“ Nam quốc sơn hà nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư”

(Lí Thường Kiệt)

“ Như nước Đại Việt ta từ trước
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu
Núi sông bờ cõi đã chia, phong tục Bắc Nam cũng khác
Từ Triều, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương”
(Nguyễn Trãi)

“Đẹp vô cùng tổ quốc ta ơi
Rừng co, đồi chè, đồng xanh ngào ngạt
Nắng chói sông Lô hò ô tiếng hát”

(Tố Hữu)

“Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về”

“Nước VN từ trong máu lửa
Rũ bùn đứng dậy sáng lòa”

(Nguyễn Đình Thi)

=> Thường gắn với những biểu tượng, hình ảnh có tính chất tượng trưng: những vị vua, những triều đại, những anh hùng, bà mẹ, hoặc phạm trù phong tục, văn hiến, văn hóa...

- **NKĐ cảm nhận độc đáo và bất ngờ:**

+ Đất nước gắn với những gì gần gũi và thân thuộc trong cuộc sống hằng ngày của mỗi con người:

- ✓ Trong cổ tích, trong ca dao, tục ngữ, thành ngữ... là văn hóa dân gian
- ✓ Trong phong tục tập quán (tục bới tóc, tục đặt tên, tục ăn trầu, tục giã gạo...): là những nét văn hóa từ xa xưa
- ✓ Trong cái kèo, cái cột; hạt gạo...: là những vật chất giản dị, bình thường, gắn bó nhất
- ✓ Trong quan hệ tình gắn bó- tình yêu lứa đôi, tình nghĩa vợ chồng là những tình cảm thiêng liêng nhất, bền chặt nhất
- ✓ Trong máu xương của mình: là phần nuôi sống cơ thể quan trọng nhất
- ✓ Trong những danh lam thắng cảnh: núi Vọng Phu, hòn Trống Mái, đất tổ Hùng Vương, vịnh Hạ Long, sông Ông Đốc, cồn Ông Trang, núi Bà Đen, núi Bà Đỉnh là vẻ đẹp tô điểm non sông cũng là di tích lịch sử, văn hóa
- ✓ Trong những con vật to lớn của truyền thuyết thần thoại đến những con vật tầm thường nhỏ bé: con ngựa, con voi, con cóc, con gà quê hương.

⇒ Đất nước được cảm nhận ở cả phạm trù vô hình và những thứ hữu hình.

+ Đất nước được cảm nhận toàn diện trong mọi chiều kích: không gian địa lý+ thời gian lịch sử+ chiều sâu văn hóa.

- ✓ **Không gian địa lý:** khắp dải đất hình chữ S nơi nào cũng có dáng hình, ao ước, lối sống ông cha.

Không gian nhà, gia đình

Không gian trường, sinh hoạt cộng đồng

Không gian ao, hồ, sông, suối, đầm, vịnh...

Không gian thực, không gian văn hóa

- ✓ **Thời gian lịch sử:**

Lịch sử hình thành (từ “ngày xưa ngày xưa”, từ thần thoại, truyền thuyết đến hôm nay vẫn tiếp tục ghi dấu)

Lịch sử dựng nước, giữ nước, chống giặc ngoại xâm

Lịch sử lao động xây dựng và bảo vệ đất nước.

✓ **Chiều sâu văn hóa:**

Những phong tục tập quán lâu đời từ ngàn xưa (tục bới tóc, ăn trầu, đặt tên, giã gạo; thờ cúng tổ tiên, thờ thần tự nhiên, thờ danh nhân, người tài, người có công với nhân dân, đất nước...)

Những nét văn hóa dân gian kết đọng ở kho tàng thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, ca dao, tục ngữ, thành ngữ, những lời ca, điệu hò, câu hát...

Những truyền thống đạo lý, tình cảm tốt đẹp (lối sống thủy chung, ân tình, ân nghĩa; lòng yêu nước; tinh thần đoàn kết; sự tiếp nối truyền thống..)

⇒ Hình tượng đất nước của NKĐ mới mẻ, độc đáo

b. Những khám phá mới mẻ về đất nước:

- **Về thời điểm ra đời:**

“Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi

Đất nước có trong những cái “ngày xưa ngày xưa” mẹ thường hay kể”

+ Cách viết hoa danh từ “Đất Nước”: sắc thái trang trọng, sự chân trọng, nhấn mạnh, khẳng định.

+ Đại từ ngôi 3 “ta”: đại chúng, tất cả mọi người, chứ không phải một cá nhân, một “tôi” xác định, đơn lẻ.

+ “rồi”: thời gian quá khứ, thời gian không xác định

+ “ngày xưa ngày xưa”: gắn với thời gian cổ tích, truyền thuyết, thần thoại, không xác định.

⇒ Thông qua từ chỉ thời gian không xác định, tạo độ nhòe về thời điểm đất nước ra đời đã cho ta nhìn nhận mới mẻ về thời điểm ra đời đất nước: Đất nước ra đời từ rất lâu, không thể xác định được thời gian khi nào.

c. Về phạm vi tồn tại (không gian tồn tại):

+ Tất cả những câu thơ có từ “nơi”: trực tiếp xác định những phạm vi tồn tại của đất nước

✓ Đất nước tồn tại ở những không gian riêng tư, cá nhân: “nơi anh đến trường”, “nơi em tắm”, “nơi ta hò hẹn”, “nơi em đánh rơi chiếc khăn”

✓ Đất nước tồn tại ở không gian cộng đồng: “nơi dân mình đoàn tụ”

✓ Đất nước tồn tại ở những không gian ca dao dân ca, thần thoại, truyền thuyết: “nơi con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc”, “nơi con cá ngư ông móng nước biển khơi”, “nơi Chim về”, “nơi Rồng ở”, “nơi Lạc Long Quân và Âu Cơ đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng”.

- ✓ Tất cả những danh từ riêng, cụ thể, xác thực: là không gian tồn tại của Đất nước (núi Vọng Phu, hòn Trống Mái, đất tổ Hùng Vương, vịnh Hạ Long, sông Ông Đốc, cồn Ông Trang, núi Bà Đen, núi Bà Đẻm)
- ⇒ Đất nước tồn tại ở rất nhiều không gian, từ quá khứ đến hiện tại, từ thần thoại, truyền thuyết đến địa danh xác thực hôm nay. Đó không chỉ là không gian riêng tư cá nhân mà còn là không gian cộng đồng, không gian ca dao dân ca, thần thoại truyền thuyết. Đây chính là một phát hiện mới mẻ và sâu sắc của Nguyễn Khoa Điềm về hình tượng Đất Nước.

d. Về quá trình lớn lên: Dòng thơ thứ 4 và 9 trực tiếp xác định quá trình lớn lên của Đất Nước

“Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc”

“Đất Nước có từ ngày đó”

+ Câu thơ thứ 4 gợi nhắc đến truyền thuyết Thánh Gióng dẹp giặc Ân bảo vệ đất nước : Đất nước lớn lên trong những trận chiến chống giặc ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc.

+ “ngày đó”: phép thế đại từ, khẳng định quá trình lớn lên của đất nước cũng chính là quá trình phát sinh, phát triển đất nước gắn liền với những phong tục tập quán, truyền thống đạo lý tốt đẹp.

(Đất Nước lớn lên dân mình biết đánh giặc; khi bà ăn trầu; khi mẹ bới tóc, khi cái kèo cái cột thành tên; khi hạt gạo khó nhọc làm ra được xay, giã, dần, sàng; khi cha mẹ yêu thương nhau, sống thủy chung, ân tình ân nghĩa...)

⇒ Đất nước có quá trình lớn lên trong đau thương nhưng ngoan cường và bất khuất. Quá trình lớn lên gắn chặt với sự phát sinh, phát triển những phong tục tập quán, nét văn hóa truyền thống giản dị mà tốt đẹp.

e. Về những định nghĩa độc đáo, sâu sắc:

+ Định nghĩa thứ nhất: Đất nước là khối thống nhất và toàn vẹn bao gồm: chiều rộng không gian địa lý + chiều dài thời gian lịch sử + chiều sâu văn hóa.

+ Định nghĩa thứ hai: Đất nước là sự thống nhất giữa cái riêng và cái chung:

“Trong anh và em hôm nay

Đều có một phần Đất Nước

Khi hai đứa cầm tay

Đất Nước trong chúng ta hài hòa nồng thắm

Khi chúng ta cầm tay mọi người

Đất Nước vẹn tròn, to lớn

Mai này con ta lớn lên

Con sẽ mang Đất Nước đi xa

Đến những tháng ngày thơ mộng”

Cái riêng: anh, em, con chúng ta

Cái chung: mọi người

Hòa cái riêng với cái chung: sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, truyền thống đoàn kết chống giặc ngoại xâm; truyền thống đoàn kết dựng xây đất nước.

+ Định nghĩa thứ ba: Đất nước là máu xương, là sự sống của mỗi người

“Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình”

“Em ơi em”: Lời thơ thủ thỉ tâm tình của người con trai với người con gái, của đôi lứa yêu nhau, của tình cảm thiết tha, đằm thắm=> mượn lời nhắn nhủ của “anh” với “em”, của chàng trai với người mình yêu, của “anh, em” với “con chúng ta” khiến lời thơ thấm đượm tình cảm, dễ đi vào lòng người.

“máu xương”: là những thành phần, bộ phận không thể thiếu của cơ thể người, nó duy trì sự sống của con người=> đất nước là máu xương, đất nước là sự sống của mỗi người.

⇒ Khái niệm đất nước được làm rõ qua những định nghĩa rất mới mẻ, sâu sắc.

f. Trách nhiệm của mỗi người với đất nước:

“Phải biết gắn bó và san sẻ

Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở

Làm nên Đất Nước muôn đời”

+ Điệp cấu trúc “phải biết”: nhấn mạnh trách nhiệm, bổn phận của mỗi người

+ 3 trọng trách chính:

- ✓ Gắn bó: tinh thần đoàn kết một lòng, tin yêu, trung thành tuyệt đối với đất nước
- ✓ San sẻ: tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ, chia sẻ cùng nhau phát triển, bảo vệ đất nước.
- ✓ Hóa thân: tinh thần cống hiến, hi sinh, gìn giữ, phát triển đất nước

⇒ Nguyễn Khoa Điềm đã nhấn mạnh những trách nhiệm mà mỗi chúng ta cần phải thực hiện để góp công dựng xây đất nước ngày càng phát triển, phồn thịnh muôn đời.

***Tiểu kết:**

- Với một đề tài không mới, một tư tưởng không mới, Nguyễn Khoa Điềm đã làm mới đề tài và tư tưởng về đất nước, cho thấy cách nghĩ, cách cảm khác đi về một đề tài, tư tưởng đã quen thuộc.

- Hình tượng đất nước của Nguyễn Khoa Điềm khác với các nhà thơ cùng thời và các nhà thơ trước ông ở chỗ: 1. Đất nước được cảm nhận, khắc họa từ những thứ hữu hình và cả những phạm trù vô hình; từ những điều lớn lao, cao cả đến những thứ bình thường giản dị. 2. Đất nước được nhìn nhận toàn diện trong mọi chiều kích: không gian địa lý, thời gian lịch sử, chiều sâu văn hóa.

- 42 câu thơ đầu của đoạn trích Đất Nước đem đến những khám phá hết sức mới mẻ, độc đáo và sâu sắc về hình tượng đất nước.

- Bằng việc vận dụng sáng tạo và tài tình kho tàng văn học dân gian từ các thành ngữ, tục ngữ, ca dao, dân ca, điệu hò, đến những điển tích, điển cố từ thần thoại, truyền thuyết; biện pháp điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc nhấn mạnh đối tượng; giọng thơ chất chứa xúc cảm nồng nàn và suy tư sâu lắng...NKĐ đã đem đến những khám phá mới mẻ, độc đáo và sâu sắc về hình tượng đất nước muôn đời.

2. Phần 2 (47 câu còn lại): TƯ TƯỞNG ĐẤT NƯỚC CỦA NHÂN DÂN

a. Nhân dân đã hóa thân làm ra đất nước.

- Hình ảnh nhân dân hiện ra khái quát hơn, hiện thân cho con người- nhân dân vô danh hóa thân để làm ra đất nước.

+ Lượng từ: “những”, “cặp”: chỉ chung cho nhân dân.

+ Các cụm từ: “những người vợ nhớ chồng”; “cặp vợ chồng yêu nhau”; “người học trò nghèo”; “những người dân nào” là hiện thân của nhân dân, là nhân dân vô danh, không tên tuổi, nhưng chính họ đã hóa thân để làm ra đất nước.

- Bên cạnh con người còn có con vật hóa thân cùng làm ra đất nước.

“Gót ngựa Thánh Gióng đi qua còn trăm ao đầm để lại

Chín mươi chín con voi góp mình dựng đất Tổ Hùng Vương

Những con rồng nằm im góp dòng sông xanh thẳm”

+ Những con vật lớn lao, từ trong thần thoại, truyền thuyết:

- ✓ Gót ngựa: Truyền thuyết kể rằng, sau khi dẹp giặc Ân xong, Thánh Gióng cùng ngựa phi về chân núi Sóc Sơn rồi cả người và ngựa bay lên trời. Lúc ngựa phi nhanh, mạnh, để lại những dấu vết chân trở thành những đầm, hình thành một vệt dài những cái ao nhỏ chạy sóng đôi song song, đặc biệt từ vùng Bình Lục Hà Nam về đến Sóc Sơn, Hà Nội.
- ✓ Con voi: Truyền thuyết kể rằng khi vua Hùng dựng nước có 100 con voi yêu nước đã phục tùng giúp vua, nhưng có 1 con voi phản bội nên bị vua hùng chặt cụt đầu. Đó chính là bài học cho những kẻ phản bội đất nước. Đây là truyền thuyết lý giải cho việc quanh chân núi Nghĩa Lĩnh (Núi Cả-175m chiều cao) có hàng trăm những ngọn núi nhỏ, thấp giống như những con voi đang cúi đầu trước núi Cả của vua, có 1 ngọn bị vát đi hẳn đỉnh núi chính là con voi phản bội.
- ✓ Con rồng: hóa thân thành những dòng sông.
 - + Không chỉ những con vật lớn lao, cao cả, linh thiêng mà ngay cả những con vật nhỏ bé tầm thường, nếu biết hóa thân cho đất nước thì cũng đáng được ngợi ca và trân trọng.

“Con cóc, con gà quê hương cũng góp cho Hạ Long thành thắng cảnh”

- ⇒ Như vậy, nhân dân vô danh và những con vật cũng biết hóa thân cho quê hương đất nước .
- Những địa danh trong đoạn thơ là những không gian địa lý cũng là những di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh:
 - + Núi Vọng Phu: Lạng Sơn
 - + Hòn Trống Mái: Thanh Hóa
 - + Đất Tổ Hùng Vương: Phú Thọ
 - + Hạ Long: Quảng Ninh
 - + Núi Bút, Non Nghiên: Quảng Ngãi
 - + Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm: Đồng Bằng Nam Bộ
- ⇒ Danh lam thắng cảnh cũng là hóa thân của những cuộc đời, số phận, nỗi niềm của cha ông qua hàng nghìn năm lịch sử. Đều giàu ý nghĩa, in đậm lối sống, dáng hình, ao ước ông cha.. Các địa danh được liệt kê rất khéo léo từ Bắc vào Nam, từ Lạng Sơn đến mũi Cà Mau: nơi nào đất nước cũng được

nhân dân hóa thân để làm nên, nơi nào cũng do nhân dân hóa thân làm ra.
Vì vậy đất nước là của nhân dân.

b. Nhân dân lao động dựng xây và chiến đấu bảo vệ đất nước, tạo ra truyền thống lịch sử của đất nước.

***Nhân dân lao động dựng xây Đất Nước:**

“Em ơi em

Hãy nhìn rất xa

Vào bốn nghìn năm Đất Nước

Năm tháng nào cũng người người lớp lớp

Con gái con trai bằng tuổi chúng ta

Cần cù làm lụng”

- Cách nói “em ơi em”: lời thủ thỉ, tâm tình của “Anh” với “em”, của người con trai với người mình yêu , nên rất dễ đi vào lòng người.
- Số từ “bốn nghìn năm” : là thời gian ước lệ, biểu trưng cho quá trình dựng nước giữ nước lâu đời của ta.
- Cụm từ láy “người người lớp lớp” : nhấn mạnh các thế hệ
- Danh từ “con gái” “con trai”: chỉ những người trẻ, thế hệ trẻ, là những người tiên phong, đi đầu cũng là thế hệ tương lai dựng xây đất nước.
- Tính từ “cần cù” và động từ “làm lụng”: phẩm chất tốt đẹp của người Việt Nam , cần cù chịu thương chịu khó.

***Nhân dân chiến đấu bảo vệ Đất Nước:**

“Khi có giặc người con trai ra trận

Người con gái trở về nuôi cái cùng con

Ngày giặc đến nhà thì đàn bà cũng đánh

Nhiều người đã trở thành anh hùng

Nhiều anh hùng cả anh và em đều nhớ”

- Vai trò của người “con trai”, người đàn ông khi có giặc ngoại xâm: Là những người mang trọng trách, nghĩa vụ ra trận đánh giặc cứu nước
- Vai trò của người “con gái”, người đàn bà khi có giặc ngoại xâm: Là hậu phương vững chắc, lại là tiền tuyến nếu hoàn cảnh cần.

+ Vận dụng thành ngữ “giặc đến nhà đàn bà cũng đánh” : nhấn mạnh vai trò của người phụ nữ, trân trọng, cảm phục người phụ nữ nói chung, những bà mẹ Việt Nam anh hùng nói riêng.

+ Tinh thần của cuộc kháng chiến chống Pháp được gọi nhắc “toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh”

- Điệp từ “nhiều”, “anh hùng”: nhấn mạnh truyền thống tự lực tự cường, dũng cảm, chiến đấu hi sinh vì độc lập tự do của dân tộc, đất nước.

“Có ngoại xâm thì chống ngoại xâm

Có nội thù thì vùng lên đánh bại”

- Điệp cấu trúc: Nhấn mạnh vai trò và truyền thống chống giặc ngoại xâm, yêu nước, quyết chiến đấu bảo vệ đất nước:

***Nhân dân đã tạo ra truyền thống lịch sử của đất nước**

“Nhưng em biết không

Có biết bao người con gái, con trai

Trong bốn nghìn lớp người giống ta lứa tuổi

Họ đã sống và chết

Gian dị và bình tâm

Không ai nhớ mặt đặt tên

Nhưng họ đã làm ra Đất Nước”

- Câu hỏi tu từ: “Nhưng em biết không” : Lời băn khoăn , trăn trở, muốn tìm biết, muốn nhắc nhở

- Tính từ “gian dị”, “bình tâm”, động từ “sống” , “chết”: Nhân dân sáng tạo ra truyền thống, họ là những người

+ Sống: gian dị

+ Chết: bình tâm

- Điệp cấu trúc: Nhấn mạnh đối tượng, khẳng định chính nhân dân đã làm ra đất nước.

c. Nhân dân đã giữ gìn và truyền lại những di sản, những tốt đẹp của đất nước cho thế hệ sau.

“Họ đã giữ và truyền cho ta hạt lúa ta trồng

Họ chuyền lửa qua mỗi nhà, từ hòn than qua con cúi

Họ truyền giọng điệu mình cho con tập nói

Họ gánh theo tên xã, tên làng trong mỗi chuyên di dân

Họ đắp đập be bờ cho người sau trồng cây hái trái”

- Điệp cấu trúc: “Họ giữ và truyền” , “Họ chuyên” “Họ truyền” “Họ gánh” “Họ đắp”: nhấn mạnh vai trò của nhân dân trong việc giữ gìn những nét văn hóa tốt đẹp của đất nước để truyền lại cho thế hệ sau.
- Các động từ “giữ”, “chuyên” , “ truyền” “gánh”, “đắp”: khẳng định vai trò của nhân dân.

Tiểu kết:

- Tư tưởng “Đất Nước của nhân dân” mà Nguyễn Khoa Điềm khẳng định trong phần hai của đoạn trích “Đất Nước” đã được ông làm sáng tỏ qua những vần thơ chan chứa tình cảm, cảm xúc mà lắng sâu, thuyết phục.
- Nếu coi tư tưởng “Đất Nước của nhân dân” là một vấn đề nghị luận thì tất cả những câu thơ trong phần hai đều là những luận cứ, luận chứng, lập luận của tác giả để làm sáng tỏ tư tưởng của mình:
 - + Bởi nhân dân đã hóa thân để làm ra đất nước nên đất nước là của nhân dân
 - + Bởi nhân dân đã lao động dựng xây, chiến đấu bảo vệ đất nước, sáng tạo ra những truyền thống tốt đẹp cho đất nước nên đất nước là của nhân dân
 - + Bởi nhân dân đã giữ gìn và truyền lại cho thế hệ sau những di sản, thành quả, truyền thống tốt đẹp nên đất nước là của nhân dân.

III. TỔNG KẾT

1. Nội dung

- Đoạn trích Đất Nước thuộc chương V của trường ca Mặt đường khát vọng là đoạn trích tiêu biểu và là hạt nhân tư tưởng cho toàn bộ tác phẩm của Nguyễn Khoa Điềm.
- Thông qua những vần thơ chan chứa tình cảm, NKĐ đã đem đến cho độc giả những khám phá sâu sắc, mới mẻ trên nhiều bình diện về hình tượng đất nước. Đồng thời, khẳng định, chứng minh thuyết phục tư tưởng “Đất Nước của nhân dân”. Qua đó, gián tiếp thể hiện lòng yêu nước vô bờ, đưa ra những bài học nhận thức sâu sắc, đúng đắn về đất nước và trách nhiệm của mỗi người đối với đất nước.

2. Nghệ thuật

- Thành công với thể thơ tự do: Lúc cô đúc, dồn nén, lúc tuôn trào mãnh liệt

- Giọng điệu: Trữ tình chính luận
- Ngôn từ: Vận dụng sáng tạo ngôn từ thuộc vốn văn hóa dân gian.

Hữu trí tất thành, toàn tâm tất đạt

